

**LÍ GI I M T S T NG CH KHÔNG GIAN**  
**TRONG TH HÀN M C T**  
EXPLAIN SOME WORDS INDICATING SPACE IN HAN MAC TU IS POEM

**NGUY N TH THANH C**  
(NCS-ThS; i h c Vinh)

**Abstract:** Space is an object appearing much in this ancient poetry. In Han Mac Tu is poem in space appeared as an art object, expressed in units of symbolic language unique. Poet Han Mac Tu rather extraordinary extrovert directed to overhead space, virtual space... So, in the space poet Han Mac Tu is an aesthetic category reflecting the look of the author's world and people...

**Key words:** words; indicating; poem; Han Mac Tu.

### 1. M u

Không gian theo quan niệm triết học là một phạm trù (hình thức) tồn tại khách quan. Không gian vật chất nào có tồn tại ngoài không gian và thời gian.

Theo *Triết học Viêt Nam* (Viên Ngôn ngữ học) thì không gian (đt) là “không gian mê mờ, vô hạn bao trùm sự vật” [10, tr.499].

Theo *Triết học biện chứng và khoa học tự nhiên*: “Không gian (space), phạm vi thời gian là những gì có thể xảy ra - theo ý nghĩa đó, nó tồn tại trong cho trạng thái hiện tượng của các sự kiện - và là những gì xảy ra trong những gì đã tồn tại - khi đó nó tồn tại trong cho vật, cho thời gian đã tồn tại...” [3, tr.486].

Như vậy, không gian là một không gian vô biên, không có nội dung nội tại, không có nội dung, không có nội dung là trung tâm, mà ra theo mặt chi, tồn tại trong cho cái vô tận mà trong đó vật chất chúng ta xoay vần.

Thi pháp học xem không gian nghệ thuật là “hình thức tồn tại của thi pháp nghệ thuật” [6, tr.88], “là sự phân bố sáng tạo của nghệ sĩ trong biểu hiện ngôn ngữ và thẩm mỹ quan niệm nghệ thuật” [6, tr.89]. Lúc này, không gian thẩm mỹ quan niệm vật chất thi pháp và sự lựa chọn của ngôn ngữ thông qua nghệ thuật hình không gian và cách sử dụng ngôn ngữ tạo nên không gian đó. Vì vậy, không gian theo quan niệm của thi pháp học mang ý tính biểu tượng và tính quan niệm, tức các cấp độ không gian trong thi pháp

u có nội hàm của riêng nó. Chẳng hạn, “không gian tượng tượng” của Hàn Mặc Tử với những biểu tượng như “trăng”, “gió”, “trên lầu Suối”, “khe Ngục Tuy n”... hay “không gian huyền thoại” trong “Lầu ài” của F. Kafka với các biểu tượng như “con ngựa”, “ngã ba”, “ga tàu”... u có thể là những hình tượng không gian giàu ý nghĩa.

Ngôn ngữ học xem xét không gian với cách là một tính chất của nhân thức, duy nhất biểu hiện bằng các ngôn ngữ và là một phạm trù nghệ thuật, nó mang ý tính quan niệm và tượng tượng.

### 2. Các phạm trù không gian trong thơ Hàn Mặc Tử

Có thể nói, không gian là một tính chất xuất hiện nhiều trong thơ ca xưa nay. Hàn Mặc Tử, không gian xuất hiện nét và có tính biểu tượng khá cáo. Thơ là lĩnh vực nghệ thuật, hiện nay Hàn Mặc Tử là một nhà thơ trữ tình (văn tâm lý) cho nên trong thơ ông, tính nghệ thuật của không gian trên cao, không gian o...Chính vì vậy, không gian trong thơ Hàn Mặc Tử là một phạm trù thẩm mỹ phân ánh cái nhìn của tác giả về thi pháp và ngôn ngữ.

Qua thơ ông 9 tập thơ (6 tập thơ, 2 v kết thúc, 1 tập thơ v xuôi) của Hàn Mặc Tử, chúng tôi thấy có sự xuất hiện của các hình tượng không gian và thiên nhiên trong không gian với những quan niệm sau:

Tên hình tượng thiên nhiên	Màu sắc	Chỉ tượng	T số	Ví dụ
Trăng	vàng, xanh, m, thanh, b, ch	n, ng, tan, m, u, i, m, ng, xông xao	345	<i>Trăng vàng xông xao</i> (Chữ i c i)
Sao	Vàng	biến hoá, r, ng	45	<i>Cho vì sao r, ng, xu, ng, máu, r, ng, say</i> (M t m i, ng, tr, ng)

Hoa	vàng, tr ng	thì thảo, tàn t , xôn xao	87	<i>cho hoa gió thì thảo</i> (B t ch c)
H ng		s u, ngan ngát, th a	82	<i>H ng h mai tho ng gió a h ng</i> (C a s êm khuya)
Mây	tr ng, lam	bay v n v , l l ng, phiêu b t	60	<i>Mây tr ng ngang tr i bay v n v</i> ( i phiêu lãng)
N c	trong, tr ng	gi n, ch y, trong veo, l ng l	72	<i>Vì âu n c ch yl ng l</i> ( êm khuya t tình v i Sông H ng)
Gió		s t so t, say l t m t, r n...	97	<i>S t so t gió trêu tà áo bi c</i> (Mùa xuân chín)
Li u	xanh ng t	bu n bu n, nếp, r , g y, run	17	<i>Nh ng nét bu n bu n t li u r</i> (Huy n o)
N ng	h ng, h ng, vàng	r i, ng, lao xao, chang chang...	45	<i>Ánh n ng lao xao trên t tre</i> (Qu d a)
Núi (non)		l , cao	29	<i>ng xán m nh vào s n núi l</i> (Say máu gà)
Sông	tr ng, xanh	sâu, c n, th m th m	36	<i>D c b sông tr ng n ng chang chang</i> (Mùa xuân chín)
H	Xanh	g n bóng, êm	6	<i>Nh ng v xanh xao c a m th</i> (Huy n o)
Bi n (B )		sâu, xa, sáng ng i	5	<i>ngôi cao, ng c m t ra ngoài b</i> (Phan Thi t ! Phan Thi t)
Ao		Xuân	5	<i>C a tr ng n bên ao</i> (B t ch c)
Gi ng		l nh, h ra	11	<i>Lòng gi ng l nh! Lòng gi ng l nh!</i> (Tr ng t t )
Su i		róc rách, trong, reo	15	<i>M t ti ng vang xa r i xu ng su i</i> (Nói chuy n v i gái quê)
Khe			4	<i>L cái khuôn vàng d i áy khe</i> (B n l n)
Lá		s t so t, héo h t, vèo bay	29	<i>Lá xuân s t so t trong làn n ng</i> (N ng t i)
Cây		m nh kh nh, run c m c p	11	<i>Cây gì m nh kh nh run c m c p</i> (Cu i thu)
C	Xanh	t i, th m, l , m c	11	<i>Sóng c xanh t i g n t i tr i</i> (Mùa xuân chín)
B n		mênh mông	8	<i>Mênh mông b n S cam ch khách</i> (Nh n ý trung nhân)
B		Xa	10	<i>C m c b xa bóng li c trông</i> ( i thuy n)
Bãi		cô liêu, l nh, h ng h , v ng tr v	5	<i>êm tr c ta ng i d i bãi trông</i> (Tinh thu)
S ng	lam, m	l u ng, bay, m	21	<i>Tôi i trong ánh s ng m</i> (Say tr ng)
Khói	m , bi c	lan nh , m , l nh, nh t nh t	19	<i>Khói tr m lan nh ng m không gian</i> (M hoa)
Khí			27	<i>Khua ánh tr ng xanh ng khí tr i</i> (M hoa)
R ng		say, cao th m	7	<i>Cho vì sao r ng xu ng máu r ng say</i> (M t mi ng tr ng)
èo			2	<i>Bên èo em ng n chân tr i xa</i> (N c mây)
i		cao, ng nghiêng...	11	<i>Ng nghiêng i cao b c tr ng ng</i> (Ng v i tr ng)
V n	Xanh	m t, v ng v	11	<i>V n ai m t quá xanh nh ng c</i> (ây thôn V D.)
á	tr ng		6	<i>Tôi s i tìm m m á tr ng</i> (Em l y ch ng)
Tre (Trúc)		la à, già	9	<i>Tr ng lên, n c l ng, tre la à</i> (N c i)
M t tr i	ong	ang cháy, ch a nóng, tròn vo	5	<i>M t tr i mai y ong</i> (Say tr ng)
C u v ng		b c t phía	2	<i>Tr i nh t nguy t c u v ng b c t phía</i> (Sao, vàng, sao)
Lau		không tí ng nói, dào d t	5	<i>Ngàn lau không tí ng nói</i> (Tinh quê)
Thông		l p loáng, reo	3	<i>Hàng thông l p loáng ng trong im</i> ( à L t

B m	Vàng		3	tr ng m ) <i>Mùa xuân em s r í nhi u hoa b m</i> (Duyên kì ng )
Chim nh n		b v , cô c	9	<i>Cánh cô nh n b v</i> (Nh nhung)
Tr i	xanh ngát, xanh bi c,xanh, trong	cao, th m, cao r ng, sâu	118	<i>Luy n ái tr i v ng b n phía tr i</i> (Nh Tr ng Xuyên)
t		t loi ngoi	13	<i>t t loi ngoi tr i mát m</i> (Ch i thuy n g p m a)
Cù lao			3	<i>Nàng tiên hóng mát trên hòn cù lao</i> (Say n ng)
Ánh sáng	trong, xanh	l i, th m ng t ng	32	<i>Gió lùa ánh sáng vô trong bãi</i> (Cô liêu)
Dòng n c		bu n thi u, trong veo	2	<i>Dòng n c bu n thi u hoa b p lay</i> ( ây thôn V D )
M a		khoan khoái, d m, ng t	5	<i>Mây m a khoan khoái tr n v a qua</i> (Ch i thuy n g p m a)
ng			5	<i>Tr ng i hã y ghé ng ào xem hoa</i> ( êm tr ng)

Qua th ng kê trên, chúng tôi quy không gian trong th Hàn M c T v nh ng nhóm nh : *Không gian c a thiên nhiên v tr* ; *Không gian v nh h ng* (ít nhi u mang màu s c tôn giáo); *không gian t ng t ng*. ó là nh ng t ng t ng v Chúa, v Tôn giáo, v tình yêu không có th c c a ông... t o nên *không gian tâm t ng*, th m chí là *siêu th c*; Ngoài ra, còn có *không gian tâm lí - tâm tr ng*, có khi là trong m t gi c m , khi thì là m t hoài ni m, là c m nh n v cu c i bi th m. Th m chí, có khi ta c ng b t g p c “không gian r m máu”, “b a vậ”, “thù ngh ch” mà thi s mu n quên i, mu n xoá i: *Van l y không gian xoá nh ng ngày, Tôi do không gian r a t i cùng, ch p tay tôi l y c mi n không gian...*

3. Con ng i là m t th c th a chi u. Hàn M c T , cái th c th y l i càng a chi u h n b i ông không ch mang b n ch t sinh h c và b n ch t xã h i nh bao ng i, mà còn khoác trên vai s m nh m t thi nhân và “ch t thi nhân” trong ông còn “ a chi u” h n so v i các nhà th khác - ng th i, tr c và sau ó. Th ông v a có cái “chân chân chân, th t th t th t... l i còn i v i o o o n a” [9-tr.127]. Nói nh Lai Thuý, Hàn M c T là s k t h p nhu n nhuy n gi a “tính tr tình”, “t duy tôn giáo” và “cái tôi cá nhân

hi n i” khi n nhà th tr nên c nh t vô nh .

Th Hàn M c T th ng dùng cái “t nh” nói cái “ ng”, th ng tìm n s chùng l i c a s v t nói cái tr i d y c a tâm h n: *Ánh tr ng m ng quá không che n i/ Nh ng v xanh xao c a m t h /Nh ng nét bu n bu n t li u r /Nh ng l i n n n c a h vô* (**Huy n o**)

Ng i ta th ng nói t i “không gian n i tâm” - n i t ng tr ng cho toàn b ti m n ng c a con ng i trên con ng hi n th c hoá t ng b c, cho toàn b ý th c, vô th c và nh ng gì có th x y ra mà không l ng tr c c. ng hành v i Hàn M c T là b nh t t, nh ng thi s v n ón nh n nó m t cách bình th n, Chúa ã t o ra nh v y, ó là cán cân s m nh t âu ó trong không gian, dành cho ông và m i lúc m t d n tr ng l ng v phía ông. Vì th , ông luôn mu n: “Ghi l y ám mây bay... Rình nghe tình băng khuâng trong gió l ng”. B i th , ngay c khi ngh v cái ch t, Hàn M c T c ng t o cho mình m t th gi i, m t không gian th m ng và p: *M t mai kia bên khe n c ng c/V i sao s ng, anh n m ch t nh tr ng...* (**Duyên kì ng** ).

Hàn M c T ã d a trên ý ngh a c a nh ng th liên k t bí n trong không gian và b ng nh ng k t h p ngôn ng c áo t o cho mình m t th gi i t ng t ng thanh thoát. Không gian ã v t ra kh i tính toán c a m i phép tính, thi s là ng i có th thi t k và xây d ng th gi i theo quy lu riêng c a mình tr c cái h u h n c a i ng i và cái vô h n c a không gian.

Không ph i ng u nhiên mà thiên nhiên tr thành m t nét t ng quan chung thu thanh thoát trong th Hàn. Theo thi s , v ng tr ng hay b t kì cái gì thu c v thiên nhiên c ng có th là nh ng t ng tr ng c a m t th gi i kì o, huy n bí. M c dù chúng có th c y, nh ng m t khi ã i vào th Hàn thì chính nhà th c ng không th ng n n i s c t ng t ng c a mình. Chính i u này ã làm nên m t th gi i th thu n khi t c a riêng ông.

Khi tan bi n vào thiên nhiên thì nh ng c m giác v không gian c a Hàn M c T c ng tr nên hoang t ng, siêu th c: *R rê, r rê hai a vào r ng hoang/ Tôi l m lá tr ng làm chi u tr i...*(**R t tr ng**)

....*Tr ng tan tàn r i xu ng m t cù lao*  
(**Phan Thi t! Phan Thi t!**)

... *M t n a tr ng ai c n v r i* (**M t n a tr ng**)

M t tâm tr ng hoàn toàn au kh , ông ã “b th làm”, th a ông n t n cùng “nh ng ngu n khoái l c trong tr ng c a m t cõi Tr i cách bi t”.

Theo Hàn M c T , th là “m t ti ng kêu rên th m thi t c a m t linh h n th ng nh , ao c tr l i v i tr i, là n i ã s ng ngàn ki p vô thu vô chung, v i nh ng h nh phúc b t tuy t” (*Quan ni m th*), còn nhà th là ng i “say s a i trong m c, trong huy n di u, trong sáng láng và v t ra h n ngoài h linh.”

(*T a Th iên*); vì v y, t không gian v tr , nhà th t ng t ng, t o cho mình m t th gi i riêng c áo. Tâm lí b nh t t, tình yêu là nh ng y u t góp ph n làm nên c a nh ng tr ng hu ng c m xúc không gian khác nhau trong th Hàn M c T : khi thì trong sáng, thu n khi t nh v n có, khi l i siêu th ng c m xúc t o nên lãng m n, t ng tr ng, siêu th c theo cách riêng c a nhà th , không theo quy lu t không gian - th i gian khách quan, không th hi n cái bình th ng c a m t quá trình nh n th c.

### TÀI LI U THAM KH O

1. Di p Quang Ban (2009), *Giao ti p, di n ngôn và c u t o v n b n*, Nxb Giáo d c, Hà N i.
2. Phan C (biên so n) (2002), *Hàn M c T - V tác gi và tác ph m*, Nxb Giáo d c, Hà N i.
3. Jean Chevalier, Alair Gheerbrant (1997), *T i n bi u t ng V n hoá Th gi i*, Nxb à N ng.
4. Ôcxta Vi t Pát, *Ngôn ng và tr u t ng*, V n ngh , S 21, 22, 1993.
5. Chu V n S n (2006), *Ba nh cao Th m i (Xuân Di u - Nguy n Bính - Hàn M c T )*, Nxb Giáo d c, Hà N i.
6. Tr n ình S (1998), *Giáo trình d n lu n thi pháp h c*, Nxb Giáo d c, Hà N i.
7. Lý Toàn Th ng (2002), *M y v n v Vi t ng h c và ngôn ng h c i c ng*, Nxb Khoa h c xã h i.
8. Lý Toàn Th ng (2004), *Ngôn ng h c tri nh n*, Nxb Khoa h c Xã h i, Hà N i.
9. Tr n Th Huy n Trang (s u t m và biên so n) (1997), *Hàn M c T h ng th m và m t ng*, Nxb H i Nhà v n, Hà N i.
10. Vi n Ngôn ng h c, *T i n ti ng Vi t* (2002), Nxb à N ng, à N ng.

### THÔNG BÁO S 2

H I TH ONGÔN NG H C QU CT L NTH IIN M 2015

